

Bản án số: 264/2019/HNGĐ-ST

Ngày 21-11-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 496/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 485/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp TC, xã TT, huyện ĐĐ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp TC, xã TT, huyện ĐĐ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Tuấn A trình bày:

Về hôn nhân: Anh Tuấn A và chị L chung sống năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp. Gia đình hai bên có hòa giải, hàn gắn nhưng không thành, anh chị đã ly thân đến nay khoảng sáu năm. Anh Tuấn A xác định không còn tình cảm và không thể chung sống cùng chị L nên yêu cầu được ly hôn chị L.

- Về con chung: Anh chị có hai người con chung tên Nguyễn Tuấn N, sinh ngày 19/9/2009 và Nguyễn Ái L, sinh ngày 08/7/2011. Anh yêu cầu nuôi cháu N,

giao cháu L cho chị L nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, nợ: Không có

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Võ Thị L nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến giải trình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Võ Thị L chung sống năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét nguyên nhân mâu thuẫn theo anh Tuấn A trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do giữa anh chị bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Đối với chị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của anh Tuấn A. Xét thấy, anh chị ly thân đến nay khoảng sáu năm, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều đó cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho anh Tuấn A được ly hôn với chị L.

[3] Về con chung: Anh Tuấn A yêu cầu nuôi cháu N, giao cháu L cho chị L nuôi dưỡng. Xét thấy: Từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu N sống chung với anh Tuấn A và cháu L sống chung với chị L, hai cháu đã có cuộc sống ổn định và theo biên bản ghi nguyện vọng con chung thể hiện: Cháu N có nguyện vọng sống chung với anh Tuấn A, cháu L có nguyện vọng sống chung với chị L. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu N cho anh Tuấn A tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu L cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tuấn A không đặt ra cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ: Anh Tuấn A xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Anh Tuấn A phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Tuấn A, cho Nguyễn Tuấn A được ly hôn chị Võ Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn N, sinh ngày 19/9/2009 cho anh Nguyễn Tuấn A tiếp tục nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Ái L, sinh ngày 08/7/2011 cho chị Võ Thị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Tuấn A và chị Võ Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Tuấn A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009944 ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh Tuấn A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Nguyễn Tuấn A và chị Võ Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã TT, huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng